

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 21-5-2021.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và
tranh chấp quyền nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Thạch Thanh Long.

2/. Ông Nguyễn Văn Tráng.

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Cẩm Thu –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cà Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngoan-Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cà Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị H, sinh năm 1977 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: ông Huỳnh Công V, sinh năm 1977 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của bà H và ông V tên: Huỳnh Chí T, sinh ngày 14/5/2005.

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị H trình bày: Bà và ông V do mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới cho ông, bà vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C vào ngày 18/5/2005, nữ trang ngày cưới tổng cộng 05 chỉ vàng 24kra, số nữ trang này vợ chồng đã đồng ý bán hết để làm ăn hiện nay không còn. Vợ chồng sống hạnh phúc được gần 10 năm, đến tháng 5 năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn, lý do ông V sanh chứng quan hệ bất

chính với nhiều người phụ nữ khác, về nhà còn hành hung, đánh đập bà nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi, vì thương con bà cố gắng chịu đựng và tạo nhiều cơ hội để ông V sửa chữa, nhưng ông V không chịu sửa chữa ngày càng phát sinh thêm. Đến tháng 02 năm 2019 vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 người con chung tên Huỳnh Chí T, sinh ngày 09/10/1995 đã thành niên và Huỳnh Chí T, sinh ngày 14/5/2005 hiện đang sống chung với ông V.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà cất 01 căn nhà bán kiên cố, trị giá gần 30.000.000 đồng trên phần đất của cha mẹ chồng cho.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà xin được ly hôn với ông Huỳnh Công V.
- Về con chung tên: Huỳnh Chí T, sinh ngày 09/10/1995 đã thành niên và Huỳnh Chí T, sinh ngày 14/5/2005 hiện đang sống chung với ông V, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con tên Chí T sống với ai người đó nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con tên Chí T, đối với con tên Chí T đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ông Huỳnh Công V là bị đơn trình bày: ông là chồng của bà Nguyễn Thị H, ông hoàn toàn thống nhất lời trình bày của bà H về hôn nhân, con chung, tài sản chung là đúng sự thật, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc gần 10 năm đến năm 2005 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do kinh tế tiền bạc trong gia đình vợ chồng cự cãi nhau, được gia đình 02 bên hàn gắn nhưng không thành, đến khoảng tháng 3 năm 2019 vợ chồng không thể hàn gắn được.

Nay về quan hệ hôn nhân ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H; Về con chung tên Huỳnh Chí T, sinh ngày 09/10/1995 đã thành niên và Huỳnh Chí T, sinh ngày 14/5/2005 hiện đang sống chung với ông, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con tên Chí T sống với ai người đó nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con tên Chí T, đối với con tên Chí T đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Huỳnh Chí T là con của bà H và ông V trình bày: Cháu là con của bà Lê Thị H và ông Huỳnh Công V, cháu học lớp 10 trường phổ thông trung học Nguyễn Văn H, hiện đang sống chung với cha, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với cha là ông Huỳnh Công V.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông Huỳnh Công V vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị H là nguyên đơn, ông Huỳnh Công V là bị đơn, cháu Huỳnh Chí T là con của bà H và ông V, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn ông Huỳnh Công V chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể ông Huỳnh Công V không có mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 51, 54, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Bà Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị H và ông Huỳnh Công V được ly hôn.
- Về con chung: ông Huỳnh Công V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Chí T, sinh ngày 14/5/2005, đối với con tên Huỳnh Chí T, sinh ngày 09/10/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị H được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét.
- Về tài sản chung: bà H và ông V tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.
- Về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay bà Lê Thị H là nguyên đơn, ông Huỳnh Công V là bị đơn, cháu Huỳnh Chí T là con của bà H và ông V, tất cả đều vắng

mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Lê Thị H và ông Huỳnh Công V được xác lập vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C vào ngày 18/5/2005 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa bà H và ông V là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà H cho rằng Vợ chồng sống hạnh phúc được gần 10 năm, đến tháng 5 năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn, lý do ông V sanh chứng quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, về nhà còn hành hung, đánh đập bà nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi, vì thương con bà cố gắng chịu đựng và tạo nhiều cơ hội để ông V sửa chữa, nhưng ông V không chịu sửa chữa ngày càng phát sinh thêm. Đến tháng 02 năm 2019 vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được.

Ông V cho rằng sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc gần 10 năm đến năm 2005 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do kinh tế tiền bạc trong gia đình vợ chồng cự cãi nhau, được gia đình 02 bên hàn gắn nhưng không thành, đến khoảng tháng 3 năm 2019 vợ chồng không thể hàn gắn được.

Nay bà H và ông V đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn; Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung tên: Huỳnh Chí T, sinh ngày 09/10/1995 đã thành niên và Huỳnh Chí T, sinh ngày 14/5/2005 hiện đang sống chung với ông V, theo lời trình bày của bà H và ông V thống nhất theo nguyện vọng của cháu Chí T sống với ai người đó nuôi dưỡng, mặt khác theo nguyện vọng của cháu Chí T muốn được sống với ông V, đối với cháu Huỳnh Chí T đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết, từ đó nghĩ nên giao ông V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Chí T sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Bà Lê Thị H có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: ông V chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Bà H và ông V cất 01 căn nhà bán kiên cố, trị giá gần 30.000.000 đồng trên phần đất của cha mẹ chồng cho, bà H và ông V tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

[2.6] Về án phí: Bà Lê Thị H có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Bà Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị H và ông Huỳnh Công V được ly hôn.

- Về con chung: ông Huỳnh Công V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Chí T, sinh ngày 14/5/2005, đối với con tên Huỳnh Chí T, sinh ngày 09/10/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị H được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: bà H và ông V tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- **Về án phí:** bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0004198, ngày 04/3/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, bà Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí, ông Huỳnh Công V không phải nộp án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh

